

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife

Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ và
Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	1 - 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán	5
Báo cáo kết quả hoạt động	6
Báo cáo tài sản	7
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng	8
Báo cáo danh mục đầu tư	9 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 21

Quỹ Đầu Tư Tăng trưởng Manulife

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife (“Quỹ”) trình bày báo cáo này và phê duyệt các báo cáo tài chính của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

QUỸ

Quỹ đã được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đóng theo Giấy phép số 10/UBCK-GCN ngày 05 tháng 10 năm 2007 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp. Theo quy định trên Giấy phép, Quỹ được phép phát hành 21.409.530 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 đồng/đơn vị quỹ. Quỹ đã được cấp phép hoạt động trong thời gian là 7 năm.

Quỹ được niêm yết tại Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 181/QD-SGDHCM ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Quỹ không có nhân viên và Quỹ được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam (“MAMV”), Công ty Quản lý của Quỹ. Công ty được thành lập theo giấy phép số 04/UBCK-GPHDQLQ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 14 tháng 06 năm 2005 và các quyết định điều chỉnh sau:

<i>Quyết định điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>
413/QĐ-UBCK	Ngày 12 tháng 7 năm 2007
06/UBCK-GPĐCQLQ	Ngày 11 tháng 10 năm 2007
13/UBCK-GPĐCQLQ	Ngày 3 tháng 4 năm 2008
80/UBCK-GPDC	Ngày 16 tháng 11 năm 2010

Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) (“HSBC Việt Nam”) được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ. HSBC Việt Nam được thành lập theo Giấy phép số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104006215 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2008 và sửa đổi ngày 26 tháng 11 năm 2008.

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là sự tăng trưởng vốn. Quỹ đầu tư vào danh mục đầu tư tăng trưởng và đa dạng hóa, tập trung chủ yếu vào những chứng khoán của các công ty hoạt động tại Việt Nam có tốc độ tăng trưởng lợi nhuận cao và tiềm năng phát triển lâu dài. Các hoạt động đầu tư sẽ được thực hiện dưới hình thức chứng khoán niêm yết và chứng khoán sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Các khoản đầu tư này bao gồm cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu sẽ niêm yết, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công ty và các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG TRÊN MỖI ĐƠN VỊ QUỸ

Giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 6.945 đồng. Giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ là 148.698.991.243 đồng cho số đơn vị quỹ đã phát hành là 21.409.530 tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Lợi nhuận thuần cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 190.826.134 đồng (31/12/2009: 54.001.802.235 đồng). Quỹ không công bố hoặc chi trả cổ tức trong năm.

Quỹ Đầu Tư Tăng trưởng Manulife

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ (tiếp theo)

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày
Bà Nguyễn Ngọc Trang	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2010
Ông Võ Văn Tiến	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2010
Bà Lâm Lệ Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2010
Bà Trịnh Bích Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2010
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (đại diện bởi Ông Phạm Trường Giang)	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2010
Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Việt (đại diện bởi Ông Tống Văn Dũng)	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2010
Bà Hoàng Bích Vân	Thành viên	Từ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2010
Công ty TNHH Es Holdings (đại diện bởi Ông Katsuyuki Shimizu)	Thành viên	Từ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2010

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Quỹ.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MANULIFE VIỆT NAM ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam chịu trách nhiệm đối với các báo cáo tài chính được trình bày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 và Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành và các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp giả định Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Quỹ Đầu Tư Tăng trưởng Manulife

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ (tiếp theo)

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Chức năng của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký bao gồm lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, và kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và theo các chính sách kế toán được quy định tại Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 về việc ban hành Chế độ kế toán Quỹ Đầu tư chứng khoán và Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 về việc ban hành Quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:

Bà Nguyễn Ngọc Trang
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 2 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các nhà đầu tư Quỹ Đầu Tư Tăng trưởng Manulife

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán, báo cáo tài sản, và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife (“Quỹ”), và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 5 đến trang 21 (sau đây được gọi chung là “các báo cáo tài chính”). Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam là Công ty Quản lý của Quỹ và đã được kiểm tra bởi Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các chính sách kế toán được quy định tại Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 về việc ban hành Chế độ kế toán Quỹ Đầu tư chứng khoán và Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 về việc ban hành Quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và tuân thủ các quy định có liên quan.

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0264/KTV

Nguyễn Xuân Đại
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0452/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 2 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2010

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN				
110	1. Tiền gửi ngân hàng	4	7.819.418.218	8.726.200.952
120	2. Đầu tư chứng khoán	5	140.835.031.126	140.211.916.200
130	3. Phải thu từ hoạt động đầu tư	6	652.018.562	165.545.000
200	TỔNG TÀI SẢN		149.306.467.906	149.103.662.152
B. NGUỒN VỐN				
300	I. Nợ phải trả		607.476.663	595.497.043
314	1. Phải trả cho Ban Đại diện Quỹ		-	8.000.000
315	2. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và Lưu ký			
318	3. Phải trả khác	7 8	268.278.783 339.197.880	266.432.663 321.064.380
400	II. Nguồn vốn chủ sở hữu		148.698.991.243	148.508.165.109
410	1. Vốn góp của các nhà đầu tư	9	214.095.300.000	214.095.300.000
	<i>Trong đó:</i>			
411	1.1 Vốn góp		214.095.300.000	214.095.300.000
420	2. Lỗ lũy kế	10	(65.396.308.757)	(65.587.134.891)
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		149.306.467.906	149.103.662.152

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	31/12/2010	31/12/2009
1	Chứng khoán theo mệnh giá	38.055.230.000	30.400.240.000

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife
Việt Nam
Ông Trần Hồng Tiến
Kế toán trưởng

Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC
(Việt Nam)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife
Việt Nam
Ông Chow Wing Kee
Quyền Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt nam

Ngày 24 tháng 2 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
	A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN			
10	I. Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư đã thực hiện		71.079.304	(36.645.774.759)
11	1. Cổ tức được nhận		4.753.885.000	2.891.656.880
12	2. Lãi trái phiếu được nhận		25.119.562	-
13	3. Lãi tiền gửi		9.004.564	67.512.528
14	4. Lỗ từ kinh doanh chứng khoán		(4.718.893.458)	(39.604.944.167)
15	5. Thu nhập khác		1.963.636	-
30	II. Chi phí		3.799.568.682	3.492.794.679
31	1. Phí quản lý quỹ và thường hoạt động	12(i)	2.946.128.046	2.585.610.551
32	2. Phí giám sát và quản lý tài sản Quỹ	12(ii)	232.506.640	175.919.053
33	3. Chi phí hợp, đại hội		113.730.000	156.975.109
34	4. Chi phí kiểm toán		211.178.352	227.354.113
38	5. Phí và chi phí khác	11	296.025.644	346.935.853
50	III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện trong năm		(3.728.489.378)	(40.138.569.438)
	B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHƯA THỰC HIỆN			
60	I. Thu nhập		20.874.397.037	96.399.841.437
61	1. Thu nhập do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán		20.874.397.037	96.399.841.437
70	II. Chi phí		(16.955.081.525)	(2.259.469.764)
71	1. Lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán		(16.955.081.525)	(2.259.469.764)
80	III. Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện trong năm		3.919.315.512	94.140.371.673
90	Lợi nhuận thuần trong năm		190.826.134	54.001.802.235

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife
Việt Nam
Ông Trần Hồng Tiến
Kế toán trưởng

Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC
(Việt Nam)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife
Việt Nam
Ông Chow Wing Kee
Quyền Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 2 năm 2011

BÁO CÁO TÀI SẢN
ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	31/12/2010	31/12/2009
1	Tiền	7.819.418.218	8.726.200.952
2	Các khoản đầu tư	140.835.031.126	140.211.916.200
2.1	Trái phiếu	857.067.276	-
2.2	Cổ phiếu	139.759.683.700	140.211.916.200
2.2.1	Cổ phiếu niêm yết	139.759.683.700	140.211.916.200
2.3	Quyền mua cổ phiếu niêm yết	218.280.150	-
3	Cổ tức được nhận	626.899.000	165.545.000
4	Lãi được nhận	25.119.562	-
	Tổng tài sản	149.306.467.906	149.103.662.152
5	Phải trả cho Ban Đại diện Quỹ	-	(8.000.000)
6	Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	(268.278.783)	(266.432.663)
7	Các khoản phải trả khác	(339.197.880)	(321.064.380)
	Tổng nợ phải trả	(607.476.663)	(595.497.043)
	Tài sản ròng của Quỹ	148.698.991.243	148.508.165.109
8	Tổng số đơn vị quỹ	21.409.530	21.409.530
9	Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ (mệnh giá 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ)	6.945	6.937

 Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife
 Việt Nam
 Ông Trần Hồng Tiến
 Kế toán trưởng

 Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC
 (Việt Nam)

 Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife
 Việt Nam
 Ông Chow Wing Kee
 Quyền Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 2 năm 2011

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2010	Năm 2009
I	Giá trị tài sản ròng đầu năm	148.508.165.109	94.506.362.874
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm	190.826.134	54.001.802.235
	<i>Trong đó:</i>		
1	- Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong năm	190.826.134	54.001.802.235
III	Giá trị tài sản ròng cuối năm	148.698.991.243	148.508.165.109

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife
Việt Nam
Ông Trần Hồng Tiến
Kế toán trưởng

Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC
(Việt Nam)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife
Việt Nam
Ông Chow Wing Kee
Quyền Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 2 năm 2011

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
ngày 31 tháng 12 năm 2010

Stt	CHỈ TIÊU	Số lượng	Giá thị trường ngày 31/12/2010 (VNĐ)	Tổng giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31/12/2010 (%)
I	Cổ phiếu niêm yết			139.759.683.700	93,60
1	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)	153.200	86.000	13.175.200.000	8,82
2	Tổng Công ty Khoan & Dịch Vụ Khoan Dầu Khí Petro Việt Nam (PVD)	124.333	53.000	6.589.649.000	4,41
3	Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai (HAG)	113.640	81.000	9.204.840.000	6,17
4	Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn (SSI)	190.600	32.000	6.099.200.000	4,09
5	Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (FPT)	79.330	64.500	5.116.785.000	3,43
6	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (STB)	424.209	16.200	6.872.185.800	4,60
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp. HCM (CIJ)	174.330	36.000	6.275.880.000	4,20
8	Công ty XNK Thủy sản Bến tre (ABT)	49.387	43.000	2.123.641.000	1,42
9	Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	135.600	38.700	5.247.720.000	3,52
10	Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí Petro Vietnam (DPM)	196.000	38.000	7.448.000.000	4,99
11	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (EIB)	322.080	15.500	4.992.240.000	3,34
12	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tp. HCM (HCM)	79.800	29.900	2.386.020.000	1,60
13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hậu Giang (DHG)	30.000	120.000	3.600.000.000	2,41
14	Công ty Cổ phần Cửu Long (ACL)	63.444	26.900	1.706.643.600	1,14
15	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức (TDH)	5	34.500	172.500	0,00
16	Tập đoàn Bảo Việt (BVH)	204.167	64.500	13.168.771.500	8,82
17	Tập đoàn Masan (MSN)	126.250	75.000	9.468.750.000	6,34
18	Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh (REE)	107.880	17.700	1.909.476.000	1,28
19	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC)	271.900	11.700	3.181.230.000	2,13
20	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh (BCI)	65.200	31.300	2.040.760.000	1,37
21	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú (DPR)	57.900	68.000	3.937.200.000	2,64

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2010

Stt	CHỈ TIÊU	Số lượng	Giá thị trường ngày 31/12/2010 (VNĐ)	Tổng giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31/12/2010 (%)
I	Cổ phiếu niêm yết (tiếp theo)				
22	Công ty Cổ phần Đại lý Liên hiệp Vận chuyển (GMD)	40.166	33.200	1.333.511.200	0,89
23	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa Vũng Tàu (HDC)	35.232	41.500	1.462.128.000	0,98
24	Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí (PVC)	177.921	26.800	4.768.282.800	3,19
25	Tập đoàn Hoa Sen (HSG)	56.160	19.600	1.100.736.000	0,74
26	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà (SJS)	64.600	61.500	3.972.900.000	2,66
27	Công ty Kinh Đô (KDC)	50.543	51.500	2.602.964.500	1,74
28	Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn (VSH)	97.860	12.400	1.213.464.000	0,81
29	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIG)	20.428	41.000	837.548.000	0,56
30	Công ty Cổ phần Bibica (BBC)	78.900	21.700	1.712.130.000	1,15
31	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB)	29.398	32.500	955.435.000	0,64
32	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB)	26.828	26.100	700.210.800	0,47
33	Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai (HOM)	40.000	9.500	380.000.000	0,25
34	Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình (HBC)	2	42.000	84.000	0,00
35	Công ty Cổ phần Vincom (VIC)	42.830	97.500	4.175.925.000	2,80
II	Trái phiếu	754	1.136.694	857.067.276	0,57
1	Trái phiếu chuyển đổi Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	754	1.136.694	857.067.276	0,57
III	Chứng khoán khác	29.398	7.425	218.280.150	0,15
1	Quyền mua cổ phiếu VCB	29.398	7.425	218.280.150	0,15

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2010

Stt	CHỈ TIÊU	Số lượng	Giá thị trường ngày 31/12/2010 (VNĐ)	Tổng giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31/12/2010 (%)
IV	Các tài sản khác			652.018.562	0,44
1	Cổ tức được nhận			626.899.000	0,42
2	Lãi được nhận			25.119.562	0,02
V	Tiền			7.819.418.218	5,24
1	Tiền gửi ngân hàng			7.819.418.218	5,24
VI	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC			149.306.467.906	100,00

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife
Việt Nam
Ông Trần Hồng Tiến
Kế toán trưởng

Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC
(Việt Nam)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife
Việt Nam
Ông Chow Wing Kee
Quyền Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 2 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife (“Quỹ”) đã được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đóng theo Giấy phép số 10/UBCK-GCN ngày 05 tháng 10 năm 2007 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp. Theo quy định trên Giấy phép, Quỹ được phép phát hành 21.409.530 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 đồng/đơn vị quỹ. Quỹ đã được cấp phép hoạt động trong thời gian là 7 năm.

Quỹ được niêm yết tại Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 181/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Quỹ không có nhân viên và Quỹ được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam (“MAMV”), Công ty Quản lý của Quỹ. Công ty được thành lập theo giấy phép số 04/UBCK-GPHDQLQ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 14 tháng 06 năm 2005 và các quyết định điều chỉnh sau:

<i>Quyết định điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>
413/QĐ-UBCK	Ngày 12 tháng 7 năm 2007
06/UBCK-GPĐCQLQ	Ngày 11 tháng 10 năm 2007
13/UBCK-GPĐCQLQ	Ngày 3 tháng 4 năm 2008
80/UBCK-GPDC	Ngày 16 tháng 11 năm 2010

Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) (“HSBC Việt Nam”) được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ. HSBC Việt Nam được thành lập theo Giấy phép số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104006215 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2008 và sửa đổi ngày 26 tháng 11 năm 2008.

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là sự tăng trưởng vốn. Quỹ đầu tư vào danh mục đầu tư tăng trưởng và đa dạng hóa, tập trung chủ yếu vào những chứng khoán của các công ty hoạt động tại Việt Nam có tốc độ tăng trưởng lợi nhuận cao và tiềm năng phát triển lâu dài. Các hoạt động đầu tư sẽ được thực hiện dưới hình thức chứng khoán niêm yết và chứng khoán sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Các khoản đầu tư này bao gồm cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu sẽ niêm yết, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công ty và các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 và Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành về hệ thống kế toán và báo cáo tài chính áp dụng cho các quỹ đầu tư chứng khoán. Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (Thuyết minh số 3.1).

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả kinh doanh theo các nguyên tắc và thực hành kế toán được chấp nhận phổ biến ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam.

Theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính ban hành, các báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động
3. Báo cáo tài sản
4. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng
5. Báo cáo danh mục đầu tư
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CỜ SỜ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng (tiếp theo)

Các Chuẩn mực đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực từ năm tài chính 2011.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và các báo cáo tài chính được trình bày theo đơn vị đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các cổ phiếu đã niêm yết, cổ phiếu chưa niêm yết, trái phiếu và tiền gửi có kỳ hạn. Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng với chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được đánh giá lại hàng tháng theo giá trị hợp lý và khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ đánh giá lại khoản đầu tư được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo quy định tại Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính. Phương pháp đánh giá lại khoản đầu tư được áp dụng phù hợp với Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 6 năm 2007. Cụ thể như sau:

- ▶ Các khoản đầu tư đã niêm yết được đánh giá theo giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất;
- ▶ Các khoản đầu tư có giao dịch trên thị trường không chính thức được đánh giá theo giá bình quân lấy từ ba công ty chứng khoán và có xem xét thêm tính thanh khoản của cổ phiếu; và
- ▶ Các khoản đầu tư khác được đánh giá theo mức giá của lần góp vốn gần nhất, giá gốc hay bằng cách áp dụng các phương pháp khác mà đã được Ngân hàng Giám sát và Lưu ký đồng ý và Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

Phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư mua bán chứng khoán vào ngày Quỹ thực hiện các giao dịch này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quý đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Quyền mua chứng khoán

Quyền mua cổ phiếu được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0). Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại và hạch toán vào ngày lập bảng cân đối kế toán theo giá thị trường sau khi trừ giá cam kết mua nhân với số cổ phiếu được nhận tương ứng từ việc thực hiện quyền.

3.2 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn.

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa số tiền thực nhận và mệnh giá được ghi nhận đối với các đơn vị quỹ đã phát hành.

3.3 Giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ trên bảng cân đối kế toán cho số đơn vị quỹ đã phát hành tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ tổng nợ phải trả.

3.4 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản này được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

3.6 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán theo phương pháp dự thu dự chi. Các khoản chi phí được hạch toán vào kết quả hoạt động ngoại trừ các chi phí phát sinh từ việc đầu tư mà đã được hạch toán vào giá mua các khoản đầu tư đó. Các khoản chi phí phát sinh từ việc bán các khoản đầu tư được trừ vào tiền thu từ việc bán các khoản đầu tư.

3.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị thị trường và phản ánh trong các báo cáo tài chính vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

3.9 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp.

3.10 Các bên liên quan

Các bên được coi là có liên quan bao gồm các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những nhân viên quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.11 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa trong Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho quỹ đầu tư chứng khoán được trình bày trong thuyết minh tương ứng của các báo cáo tài chính này.

3.12 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền gửi bằng đồng Việt Nam vào thời điểm cuối năm tại ngân hàng sau đây:

	31/12/2010	31/12/2009
Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	<u>7.819.418.218</u>	<u>8.726.200.952</u>

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐÀU TƯ CHỨNG KHOÁN

Tất cả các công ty được đầu tư (niêm yết và không niêm yết) như trên Báo cáo danh mục đầu tư đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 3.1, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết đầu tư chứng khoán được trình bày tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

				VNĐ
	<i>Giá mua</i>	<i>Lãi do đánh giá lại</i>	<i>Lỗ do đánh giá lại</i>	<i>Giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2010</i>
Cổ phiếu niêm yết	153.613.083.897	15.448.621.346	(29.302.021.543)	139.759.683.700
Trái phiếu chuyển đổi (i)	754.000.000	103.067.276	-	857.067.276
Quyền mua cổ phiếu niêm yết (ii)	-	218.280.150	-	218.280.150
TỔNG CỘNG	<u>154.367.083.897</u>	<u>15.769.968.772</u>	<u>(29.302.021.543)</u>	<u>140.835.031.126</u>

(i) Trái phiếu chuyển đổi do Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh phát hành vào ngày 2 tháng 8 năm 2010 có thời hạn 12 tháng, lãi suất 8,00%/năm. Trái phiếu này sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu trong 12 tháng kể từ ngày phát hành với tỷ lệ chuyển đổi là 1:72. Lãi được trả vào cuối kỳ hạn trái phiếu.

(ii) Quyền mua cổ phiếu niêm yết thể hiện quyền mua 29.398 cổ phiếu VCB theo tỷ lệ 100:33 và Quỹ đã thực hiện quyền vào ngày 28 tháng 1 năm 2011.

Giá trị của mỗi quyền mua được xác định bằng cách tham chiếu giá thị trường của cổ phiếu đó vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

6. PHẢI THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

		VNĐ
	<i>31/12/2010</i>	<i>31/12/2009</i>
Cổ tức được nhận	626.899.000	165.545.000
Lãi tiền gửi được nhận	25.119.562	-
TỔNG CỘNG	<u>652.018.562</u>	<u>165.545.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI TRẢ CHO CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

	VNĐ	
	31/12/2010	31/12/2009
Phí quản lý Quỹ	248.278.783	247.957.663
Phí giám sát và lưu ký	20.000.000	18.475.000
TỔNG CỘNG	268.278.783	266.432.663

8. PHẢI TRẢ KHÁC

	VNĐ	
	31/12/2010	31/12/2009
Phải trả chi phí họp, đại hội	131.863.500	113.730.000
Chi phí kiểm toán	207.334.380	207.334.380
TỔNG CỘNG	339.197.880	321.064.380

9. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	VNĐ	
	Năm 2010	Năm 2009
Vốn góp đầu năm	214.095.300.000	214.095.300.000
Tăng vốn góp trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	214.095.300.000	214.095.300.000

Căn cứ theo Giấy phép số 10/UBCK-GCN, Quỹ được phép phát hành 21.409.530 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 đồng/đơn vị quỹ.

Tất cả các chứng chỉ quỹ đều có quyền như nhau, bao gồm quyền biểu quyết, hưởng cổ tức, hoàn trả vốn góp và các quyền khác. Mỗi chứng chỉ quỹ đã phát hành và góp đủ vốn được hưởng cổ tức khi Quỹ công bố và tương ứng một quyền biểu quyết.

Vào ngày 14 tháng 2 năm 2011, các cổ đông nắm giữ đơn vị quỹ với số lượng cụ thể như sau:

Cổ đông	Vốn góp (VNĐ)	Số đơn vị Quỹ nắm giữ	%
Công ty TNHH Manulife Việt Nam	83.830.000.000	8.383.000	39,16
Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Việt (đại diện bởi Ông Tống Văn Dũng)	36.471.200.000	3.647.120	17,03
Các cổ đông khác	93.794.100.000	9.379.410	43,81
TỔNG CỘNG	214.095.300.000	21.409.530	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. LỖ LŨY KẾ

	VNĐ	
	Năm 2010	Năm 2009
Lỗ lũy kế đầu năm	(65.587.134.891)	(119.588.937.126)
Lợi nhuận thuần trong năm	190.826.134	54.001.802.235
LỖ LŨY KẾ CUỐI NĂM	(65.396.308.757)	(65.587.134.891)

11. PHÍ VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VNĐ	
	Năm 2010	Năm 2009
Phí duy trì tài khoản nhà đầu tư	245.989.087	246.424.790
Phí niêm yết	21.427.302	20.000.000
Phí báo giá chứng khoán	18.000.000	40.500.000
Thù lao cho Ban đại diện Quỹ	9.000.000	16.000.000
Phí ngân hàng	1.609.255	2.411.063
Chi phí quảng cáo	-	21.600.000
TỔNG CỘNG	296.025.644	346.935.853

12. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

i) Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam, Công ty Quản lý Quỹ

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam được hưởng phí quản lý quỹ hàng năm. Phí quản lý quỹ hàng năm bằng 2,00% giá trị tài sản ròng của Quỹ.

	VNĐ	
	Năm 2010	Năm 2009
Phí Quản lý Quỹ	2.946.128.046	2.585.610.551

ii) Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) (“HSBC Việt Nam”), Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Quỹ đã chỉ định HSBC Việt Nam làm Ngân hàng Giám sát và Lưu ký. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát và Lưu ký một khoản phí giám sát hàng năm bằng 0,08% giá trị tài sản ròng của Quỹ và phí giao dịch chứng khoán (Nhận/ Giao có/ Không thanh toán) là 10 đô la Mỹ một giao dịch, nhưng tối thiểu bằng 1.000 đô la Mỹ mỗi tháng. Từ ngày 1 tháng 9 năm 2010 đến ngày 30 tháng 9 năm 2010, Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) được hưởng phí lưu ký hàng năm bằng 0,06% giá trị tài sản ròng của Quỹ, phí giám sát hàng năm bằng 0,02% giá trị tài sản ròng của Quỹ và phí giao dịch chứng khoán là 10 đô la Mỹ một giao dịch, nhưng tối thiểu bằng 1.000 đô la Mỹ mỗi tháng; phí giám sát thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng 10%. Từ ngày 1 tháng 10 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) được hưởng phí lưu ký hàng năm bằng 0,06% giá trị tài sản ròng của Quỹ, phí giám sát hàng năm bằng 0,02% giá trị tài sản ròng của Quỹ và phí giao dịch chứng khoán là 195.000 đồng một giao dịch, nhưng tối thiểu bằng 19.500.000 đồng mỗi tháng (bao gồm phí lưu ký tối thiểu 14.500.000 đồng và phí giám sát tối thiểu 5.000.000 đồng); phí giám sát thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng 10%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

ii) Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) (“HSBC Việt Nam”), Ngân hàng Giám sát và Lưu ký (tiếp theo)

	VNĐ	
	Năm 2010	Năm 2009
Phí giám sát và lưu ký	232.506.640	175.919.053
Tiền gửi tại HSBC	7.819.418.218	8.726.200.952

iii) Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ

Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ trong năm 2010 là 9.000.000 đồng (năm 2009: 16.000.000 đồng) và được hạch toán như chi phí của Quỹ.

Ngoài thù lao cho Ban đại diện, không có bất kỳ hợp đồng hay giao dịch nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng.

iv) Số lượng chứng chỉ quỹ mà các bên liên quan nắm giữ

Vào ngày 14 tháng 2 năm 2011, các bên liên quan nắm giữ đơn vị Quỹ với số lượng cụ thể như sau:

Các bên liên quan	Số lượng đơn vị quỹ nắm giữ
Công ty TNHH Manulife Việt Nam	8.383.000
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam	Không
HSBC Việt Nam	Không
Các thành viên Ban Đại diện Quỹ	4.722.990

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

	Năm 2010	Năm 2009
I Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư		
1 Tỷ lệ các loại chứng khoán/Tổng giá trị tài sản	94,32%	94,04%
2 Tỷ lệ các loại cổ phiếu/Tổng giá trị tài sản	93,60%	94,04%
3 Tỷ lệ các loại cổ phiếu niêm yết/Tổng giá trị tài sản	93,60%	94,04%
4 Tỷ lệ các loại cổ phiếu chưa niêm yết/Tổng giá trị tài sản	0,00%	0,00%
5 Tỷ lệ các loại trái phiếu/Tổng giá trị tài sản	0,57%	0,00%
6 Tỷ lệ các loại chứng khoán khác/Tổng giá trị tài sản	0,15%	0,00%
7 Tỷ lệ tiền mặt/Tổng giá trị tài sản	5,24%	5,85%
8 Tỷ lệ thu nhập/Tổng giá trị tài sản	2,67%	38,56%
9 Tỷ lệ chi phí/Tổng giá trị tài sản	2,54%	2,34%
II Các chỉ số thị trường		
1 Tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành (đơn vị quỹ)	21.409.530	21.409.530
2 Tỷ lệ nắm giữ đơn vị quỹ của các nhân viên Công ty Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam/Tổng số đơn vị quỹ	0,00%	0,08%
3 Giá trị đơn vị quỹ (VNĐ)	6.945	6.937

14. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính ngoại trừ quyền mua 29.398 cổ phiếu VCB (Thuyết minh số 5) đã được thực hiện toàn bộ vào ngày 28 tháng 1 năm 2011 và việc giảm giá trị hợp lý của các khoản đầu tư của Quỹ như được trình bày dưới đây.

Tại ngày 24 tháng 2 năm 2011, tổng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư của Quỹ đã giảm 10.387.107.562 đồng so với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

	Ngày 31/12/2010	Ngày 24/2/2011	VNĐ Biến động
Cổ phiếu niêm yết	139.759.683.700	129.491.804.800	(10.267.878.900)
Trái phiếu chuyển đổi	857.067.276	745.599.686	(111.467.590)
Quyền mua cổ phiếu niêm yết (đã thực hiện toàn bộ vào ngày 28 tháng 01 năm 2011)	218.280.150	210.519.078	(7.761.072)
TỔNG CỘNG	140.835.031.126	130.447.923.564	(10.387.107.562)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt để phát hành vào ngày 24 tháng 2 năm 2011.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife
Việt Nam
Ông Trần Hồng Tiến
Kế toán trưởng

Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC
(Việt Nam)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife
Việt Nam
Ông Chow Wing Kee
Quyền Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 2 năm 2011